

Số: 29/2020/QĐST-DS

Ứng Hoà, ngày 14 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 25/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

**1.1. Nguyên đơn:** Ngân hàng N.

Trụ sở: Số 2, L, quận B, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Tiết Văn T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Văn T1, ông Đặng Tiến T2 và ông Lã Anh T3 (Theo giấy ủy quyền số 2965/QĐ-NHNN-PC của Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng N ngày 27/12/2019 và Giấy ủy quyền ngày 02/5/2020 của Ngân hàng N chi nhánh huyện U).

**1.2. Bị đơn đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Ông Lê Tiến T4 – sinh năm 1979

Nơi ĐKKHKT: thôn Đ, xã H, huyện U, thành phố Hà Nội.

**1.3. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1.3.1. Ông Lê Tiến T5 – sinh năm 1956

1.3.2. Ông Lê Tiến M – sinh năm 1959

1.3.3. Bà Lê Thị N1 – sinh năm 1965

1.3.4. Ông Lê V – sinh năm 1968

1.3.5. Bà Lê Thị T6 – sinh năm 1972

1.3.6. Anh Lê Tiến T7 – sinh năm 1974

1.3.7. Chị Lê Thị T8 – sinh năm 1981

1.3.8. Anh Lê Tiến T9 – sinh năm 1985

1.3.9. Chị Nguyễn Thị L – sinh năm 1975

1.3.10. Anh Lê Tiến H – sinh năm 1997

1.3.11. Anh Lê Tiến H1 – sinh năm 2001

1.3.12. Chị Bùi Thùy L1 – sinh năm 1996

1.3.13. Chị Kiều Thị L2 – sinh năm 1989

1.3.14. Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1978

Đều có HKTT: Thôn Đ, xã H, huyện U, thành phố Hà Nội

(ông T5, ông M, bà N1, ông V, bà T6 anh T7, chị T8, anh T9, chị L, anh H, anh H2, chị L2, chị L3, chị H đều có giấy ủy quyền cho anh T4 tham gia tố tụng tại Tòa án).

## **2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

### **2.1. Về xác nhận nợ:**

Vợ chồng anh Lê Tiến T4, chị Nguyễn Thị H xác nhận: Ngày 29/12/2017, anh T4 có ký kết Hợp đồng tín dụng số: 2207LVA2017 03574 với A - Chi nhánh huyện U - Phòng giao dịch H1 vay số tiền 1.400.000.000 đồng; Mục đích vay: mua vật liệu xây dựng công trình. Theo đó, anh T4 đã được A giải ngân theo 05 Giấy nhận nợ ngày 27/4/2017, 20/6/2017, 21/6/2017, 31/7/2017, 29/12/2017 tổng số tiền là 1.400.000.000 đồng. Ngoài ra trong Hợp đồng tín dụng và các Giấy nhận nợ đều có các thỏa thuận khác như lãi suất, thay đổi lãi suất, thời hạn vay, tài sản bảo đảm... và các thỏa thuận khác.

Anh T4, chị Hải xác nhận hiện còn nợ A số tiền tính đến ngày 04/9/2020 cụ thể như sau:

Nợ gốc là : 1.345.010.000 đồng,

Nợ lãi trong hạn : 335.458.381 đồng;

Nợ lãi quá hạn : 66.220.845 đồng.

**Tổng cộng : 1.746.689.226 đồng (Một tỷ bảy trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng).**

### **2.2 Các bên thỏa thuận về thời hạn, phương thức thanh toán như sau:**

Đến ngày 30/9/2020, vợ chồng anh T4, chị H phải thanh toán cho A tổng số tiền tính đến ngày 04/9/2020 là: 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng), trong đó: nợ gốc: 1.345.010.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 54.990.000 đồng. Toàn bộ số tiền nợ lãi còn lại là 346.689.226 đồng (trong đó lãi trong hạn còn lại là 280.468.381 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 66.220.845 đồng) và tiền nợ lãi phát sinh kể từ ngày 05/9/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc, A đồng ý miễn hết cho vợ chồng anh T4, chị Hải.

Ngay sau khi vợ chồng anh T4, chị H thanh toán đủ số tiền 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) cho A thì A có trách nhiệm làm thủ tục giải chấp tài sản thế chấp cụ thể: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 419, tờ bản đồ số 04, diện tích là 168,6 m<sup>2</sup>, địa chỉ: tại thôn Đình Xuyên, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 977569; vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số H ƯH: 00300 do UBND huyện Ứng Hòa cấp ngày 13/6/2007 cho hộ ông Lê Tiến Tụng; Được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 202/2014/HĐ-THC Quyền số: 03/TP/CC-SCC/HĐGD và phụ lục Hợp đồng thế số công chứng:

365/PLHD, quyền số 01/2017 - SCC/HĐGD ngày 14/11/2017 đều tại Văn phòng Công chứng Hòa Nam, thành phố Hà Nội, đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký QSDĐ huyện Ứng Hòa ngày 05/6/2014.

Trường hợp vợ chồng anh T4, chị Hải không thanh toán trả nợ cho A theo đúng thỏa thuận nêu trên (về thời gian trả, số tiền trả, ...) thì vợ chồng anh T4, chị Hải phải trả cho A toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 04/9/2020 là: 1.746.689.226 đồng (*Một tỷ bảy trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng*) và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 05/9/2020 theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 2207LVA2017 03574 ngày 29/12/2017 và 05 Giấy nhận nợ ngày 27/4/2017, 20/6/2017, 21/6/2017, 31/7/2017, 29/12/2017 (*Có sự điều chỉnh tăng, giảm theo từng thời kỳ của A*) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Nếu vợ chồng anh T4, chị H không thực hiện theo đúng thỏa thuận thanh toán nêu trên (về thời gian và số tiền trả) thì A có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi toàn bộ khoản nợ cho A theo hợp đồng thế chấp, cụ thể: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 419, tờ bản đồ số 04, diện tích là 168,6 m<sup>2</sup>, địa chỉ: tại thôn Đình Xuyên, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 977569; vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số H UH: 00300 do UBND huyện Ứng Hòa cấp ngày 13/6/2007 cho hộ ông Lê Tiến Tụng; Được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 202/2014/HĐ-THC Quyền số: 03/TP/CC-SCC/HĐGD và phụ lục Hợp đồng thế số công chứng: 365/PLHD, quyền số 01/2017 - SCC/HĐGD ngày 14/11/2017 đều tại Văn phòng Công chứng Hòa Nam, thành phố Hà Nội.

Tr-ờng hợp số tiền sau khi phát mại tài sản không đủ trả nợ thì vợ chồng anh T4, chị Hải có nghĩa vụ tiếp tục trả A cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

**2.3. Về án phí:** Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án:

Ghi nhận sự thỏa thuận của A với anh Lê Tiến T4 về án phí dân sự sơ thẩm. Anh T4 tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự 32.200.338 đồng; có đơn xin đơn xin giảm án phí được chính quyền địa phương xác nhận được Tòa chấp nhận. Buộc anh T4 phải nộp là 24.200.000đ (*Hai mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 30.529.000 đồng (*Ba mươi triệu năm trăm hai mươi chín nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009573 ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa.

3. Tr- ờng hợp quyết định đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ọc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện □ng Hoà;
- Chi cục T.H.A DS huyện □ng Hoà;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Thanh Minh**